

TRƯỜNG THCS LONG TOÀN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II

MÔN TOÁN 6. NĂM HỌC 2024 – 2025

A. CÁC KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. SỐ HỌC

1. Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau
2. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số.
3. Các phép tính với phân số (Phép cộng và phép trừ, Phép nhân và phép chia)
4. Giá trị phân số của một số.

II. HÌNH HỌC

1. Hình có trục đối xứng.
2. Hình có tâm đối xứng.
3. Vai trò của tính đối xứng trong tự nhiên.

III. MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT

1. Phép thử nghiệm – Sự kiện.
2. Xác suất thực nghiệm.

B. CÁC ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ 1

Thời gian làm bài: 90 phút

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm).

Phần 1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm).

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Trong các số sau đây, số nào được viết dưới dạng phân số?

- A. $\frac{1}{-2}$ B. $2\frac{1}{3}$ C. $\frac{5}{3,4}$ D. $\frac{-5}{0}$

Câu 2. Chọn khẳng định sai.

- A. $\frac{2}{9} = \frac{8}{36}$ B. $\frac{-7}{5} = \frac{28}{-20}$ C. $\frac{3}{27} = \frac{1}{9}$ D. $\frac{-1}{4} = \frac{2}{8}$

Câu 3. Kết quả của phép tính $\frac{-1}{5} \cdot \frac{25}{8}$ là:

- A. $\frac{25}{8}$ B. $\frac{-1}{8}$ C. $\frac{-1}{25}$ D. $\frac{-5}{8}$

Câu 4. Số đối của $\frac{-2}{3}$ là:

- A. $\frac{3}{-2}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $\frac{2}{3}$ D. $\frac{-3}{-2}$

Câu 5. Mỗi con xúc xắc có 6 mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương từ 1 đến 6. Gieo xúc xắc một lần. Mặt xuất hiện của xúc xắc là phần tử của tập hợp nào dưới đây?

- A. {1; 6}. B. {0; 1; 2; 3; 4; 5; 6}. C. {0; 1; 2; 3; 4; 5}. D. {1; 2; 3; 4; 5; 6}.

Câu 6. Phép thử nghiệm: Bạn Bình chọn một ngày trong tuần để đi đá bóng. Có tất cả bao nhiêu kết quả có thể xảy ra của phép thử nghiệm này.

- A. 2 B. 4 C. 5 D. 7

Câu 7. Để nói về khả năng xảy ra của một sự kiện, ta dùng một con số có giá trị từ:

- A. 0 đến 1 B. 0 đến 10 C. 1 đến 100 D. 10 đến 20

Câu 8. Nếu tung một đồng xu 20 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng bao nhiêu?

- A. $\frac{20}{7}$ B. $\frac{1}{7}$ C. $\frac{7}{20}$ D. $\frac{13}{20}$

Câu 9. Hình nào dưới đây có trục đối xứng?

- A. Hình tam giác. B. Hình chữ nhật C. Hình bình hành. D. Hình thang vuông.

Câu 10. Hình nào dưới đây là hình không có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 11. Chữ cái nào dưới đây có hai trục đối xứng:

A

B

H

M

- A. Chữ A B. Chữ B C. Chữ H D. Chữ M

Câu 12. Đường thẳng chia một hình thành hai phần đối xứng nhau gọi là:

- A. Trục số B. Trục đối xứng C. Tâm đối xứng D. Đường phân giác

Phần 2. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

Trong câu 13 và câu 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Các khẳng định sau đây Đúng hay Sai về tâm đối xứng của các hình ?

- a) Hình thoi có tâm đối xứng là giao điểm của hai đường chéo.
b) Hình lục giác đều có tâm đối xứng tại giao điểm các đường chéo chính.
c) Một đoạn thẳng chỉ có tâm đối xứng khi hai đầu mút trùng khít nhau.
d) Hình tam giác cân có tâm đối xứng.

Câu 14. Các khẳng định sau đây Đúng hay Sai ?

- A. $\frac{-11}{20} < \frac{-6}{5}$ B. $\frac{5}{-9} > \frac{6}{-9}$ C. $\frac{-35}{-40} < \frac{15}{12}$ D. $\frac{19}{-15} < \frac{11}{-15}$

Phần 3. Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn (2,0 điểm)

Trong mỗi câu hỏi từ câu 15 đến câu 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Sắp xếp các phân số $\frac{-3}{-4}; \frac{-7}{-8}; \frac{10}{-9}; \frac{-5}{-6}$ theo thứ tự tăng dần ?

Câu 16. Anh Quang mới đi làm và nhận được tháng lương đầu tiên. Anh quyết định dùng $\frac{2}{5}$ số tiền đó để chi tiêu trong tháng, dành $\frac{1}{4}$ số tiền để mua quà biếu bố mẹ. Tìm số phần tiền lương còn lại của anh Quang ? (Viết kết quả bằng phân số)

Câu 17. Biết $\frac{1}{4}$ của bình nước chứa được 4 lít nước. Hỏi cả bình chứa được bao nhiêu lít nước?

Câu 18. Số nguyên a có điều kiện gì thì phân số $\frac{-7}{-a}$ là phân số âm?

B. TỰ LUẬN (3,0 Điểm)

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện các phép tính sau (Tính hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{2}{5} + \frac{-6}{19} + \frac{3}{5} + \frac{1}{7} + \frac{-13}{19}$

b) $\frac{-18}{11} \cdot \frac{19}{31} + \frac{-18}{11} \cdot \frac{12}{31}$

Câu 2 (1,0 điểm).

Trong hộp có một số bút xanh, một số bút vàng và một số bút đỏ. Lấy ngẫu nhiên 1 bút từ hộp, xem màu gì rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 60 lần ta được kết quả như sau:

Màu bút	Bút xanh	Bút vàng	Bút đỏ
Số lần	40	15	5

- Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút màu vàng.
- Em hãy dự đoán xem trong hộp loại bút nào ít nhất.

Câu 3 (1,0 điểm).

a) Bố của An 60 tuổi. Tuổi của anh An bằng $\frac{1}{3}$ tuổi của bố. Tuổi của An bằng $\frac{4}{5}$ tuổi của anh. Tính số tuổi của mỗi người.

b) So sánh A và B. Biết $A = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \dots + \frac{1}{49.50}$ và $B = 1$.

ĐỀ 2

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm).

Phần 1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm).

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào **không phải** là phân số?

A. -2

B. $\frac{-1}{15}$

C. $\frac{-8}{-11}$

D. $\frac{-1,9}{0,3}$

Câu 2. Phân số đối của phân số $\frac{-16}{25}$ là

- A. $\frac{16}{-25}$ B. $\frac{25}{16}$ C. $\frac{25}{-16}$ D. $\frac{16}{25}$

Câu 3. Phân số nào dưới đây là phân số tối giản?

- A. $\frac{6}{8}$ B. $\frac{5}{7}$ C. $\frac{-11}{44}$ D. $\frac{-3}{9}$

Câu 4. Cho $a = \frac{5}{8}, b = \frac{-1}{8}$ và $c = 0$. Khẳng định nào đúng trong các khẳng định dưới đây?

- A. $a > c > b$. B. $a > b > c$. C. $b > c > a$. D. $b > a > c$.

Câu 5. Tung đồng xu 1 lần có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu?

- A. 1 B. 2 C. 0 D. 4

Câu 6. Một sự kiện chắc chắn xảy ra thì có khả năng xảy ra bằng

- A. 1 B. 0,5 C. 0 D. 0,9

Câu 7. Một chiếc hộp gồm ba thẻ được đánh số từ 1 đến 3. Lấy ngẫu nhiên một thẻ, có mấy kết quả có thể xảy ra

- A. 1 B. 3 C. 0 D. 2

Câu 8: Một xạ thủ bắn 200 viên đạn vào một mục tiêu và thấy có 147 viên trúng mục tiêu. Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “Xạ thủ bắn trúng mục tiêu”

- A. $\frac{147}{200}$ B. $\frac{200}{147}$ C. $\frac{1}{147}$ D. $\frac{1}{200}$

Câu 9. Hình thoi có bao nhiêu trục đối xứng:

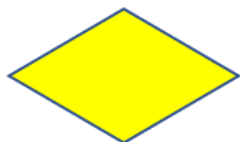
- A. 2 B. 3 C. 4 D. 0

Câu 10. Những chữ cái nào dưới đây có trục đối xứng?

A G B H

- A. B, H, G B. A, H, B C. B, G D. A, G

Câu 11. Trong các hình sau, hình có trục đối xứng là



Hình 1



Hình 2



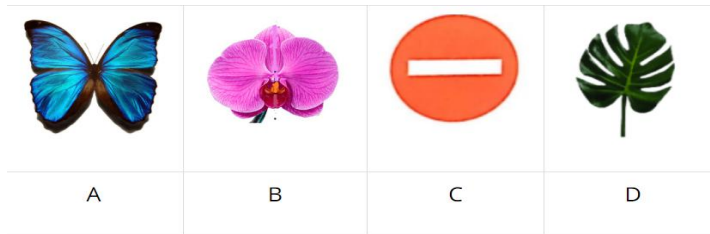
Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1; 2; 3 B. Hình 1; 2; 4 C. Hình 1; 3; 4 D. Hình 2; 3; 4

Câu 12. Hình nào sau đây **không** có trục đối xứng?



A. Hình A

B. Hình B

C. Hình C

D. Hình D

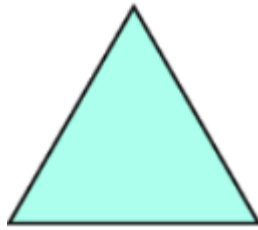
Phần 2. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

Trong câu 13 và câu 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Quan sát hình sau và cho biết đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai:



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 3 là hình có tâm đối xứng

B. Hình 2 là hình có tâm đối xứng

C. Hình 1 là hình có tâm đối xứng

D. Hình 4 là hình có tâm đối xứng

Câu 14. Trong một trang trại có tất cả 420 con bò, trâu, lợn. Trong đó số bò chiếm $\frac{3}{7}$ tổng số con, số lợn chiếm $\frac{1}{6}$ tổng số con, còn lại là trâu.

A. Trang trại có số bò nhiều hơn số lợn.

B. Trang trại có 240 con bò.

C. Tổng số con bò và con lợn là 250 con.

D. Số con trâu chiếm $\frac{17}{42}$ tổng số con.

Phần 3. Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn (2,0 điểm)

Trong mỗi câu hỏi từ câu 15 đến câu 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Cho $x + \frac{1}{11} = \frac{2}{11}$ Kết quả giá trị x là?

Câu 16. Cho $x \cdot \frac{2}{5} = \frac{1}{3}$. Kết quả giá trị x là?

Câu 17. Một xe máy chạy với vận tốc trung bình $\frac{69}{2}$ km/h trong thời gian 16 phút. Cùng quãng đường đó, một ô tô chạy với vận tốc trung bình $\frac{184}{3}$ km/h thì cần bao nhiêu phút?

Câu 18. Kết quả của phép tính $\frac{15}{-22} - \frac{48}{-22}$ bằng ?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện các phép tính sau (Tính hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{3}{4} - \frac{7}{5} + \frac{5}{2}$

b) $\frac{2}{9} \cdot \frac{2019}{2024} + \frac{2}{9} : \frac{2024}{5} + \frac{8}{9}$

Câu 2. (1 điểm) Trong hộp có 4 thẻ được đánh số 1, 2, 3, 4. Xuân nhắm mắt lấy ra một thẻ từ hộp, ghi lại số rồi trả lại hộp. Lập lại hoạt động trên 20 lần. Xuân được bảng kết quả như sau:

2	3	2	1	4	4	3	1	3	2
4	1	1	3	2	4	3	2	1	4

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

a) Xuân lấy được thẻ ghi số chẵn.

b) Xuân lấy được thẻ ghi số nguyên tố

Câu 3. (1,0 điểm) Một người đăng kí mua một căn hộ và trả tiền thành 3 đợt. Đợt đầu tiên, ngay khi kí hợp đồng mua bán, người đó phải trả $\frac{1}{4}$ số tiền mua căn hộ. Sáu tháng sau, người đó trả tiếp $\frac{3}{5}$ số tiền mua căn hộ. Đợt cuối, sau một năm kể từ khi kí hợp đồng, sẽ trả nốt số tiền còn lại là 600 000 000 đồng và nhận căn hộ. Hỏi số tiền để mua căn hộ là bao nhiêu?

ĐỀ 3

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm).

Phần 1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm).

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số?

A. $\frac{-2,5}{4}$

B. $\frac{-15}{27}$.

C. $\frac{2,3}{4,5}$

D. $\frac{25}{0}$

Câu 2. Phân số nào bằng phân số $\frac{-3}{5}$ là

A. $-\frac{6}{10}$

B. $\frac{6}{10}$

C. $\frac{-6}{15}$.

D. $\frac{-6}{-15}$.

Câu 3. Số nguyên thích hợp điền vào chỗ chấm sau: $\frac{17}{19} < \frac{\dots}{19} < 1$ là ?

A. 19

B. 18

C. 17

D. -18

Câu 4. Số đối của $\frac{-1}{4}$ là:

A. $\frac{-1}{-4}$.

B. $\frac{-4}{-1}$.

C. $\frac{-4}{1}$.

D. $\frac{-1}{4}$.

Câu 5. Một lớp có 20 học sinh nam và 18 học sinh nữ. Chọn ngẫu nhiên một học sinh. Tính xác suất chọn được một học sinh nữ.

A. $\frac{1}{38}$

B. $\frac{10}{19}$

C. $\frac{9}{19}$

D. $\frac{19}{9}$

Câu 6. Lấy ngẫu nhiên 1 thẻ từ 1 hộp 30 thẻ được đánh số từ 1 đến 30. Tính xác suất để thẻ được lấy ghi số 5

A. $\frac{1}{30}$

B. $\frac{1}{5}$

C. 5

D. $\frac{1}{6}$

Câu 7. Gieo một xúc xắc 6 mặt. Sự kiện nào sau đây không thể xảy ra?

A. “Số chấm là số nguyên tố”

B. “Số chấm là số chia hết cho 2”

C. “Số chấm lớn hơn 6”

D. “Số chấm bằng 5”

Câu 8. Gieo một con xúc xắc, sự kiện “Số chấm xuất hiện là số nguyên tố” xảy ra khi số chấm xúc xắc là bao nhiêu? Chọn câu sai

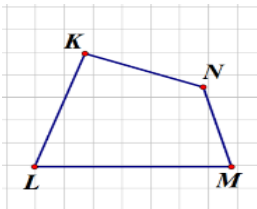
A. 2

B. 2; 3

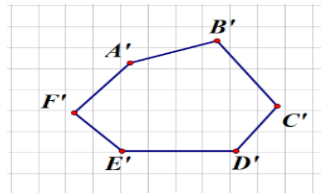
C. 1; 4; 6

D. 2; 3; 5

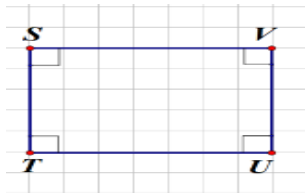
Câu 9. Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



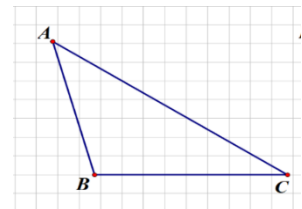
(hình 1)



(hình 2)



(hình 3)



(hình 4)

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 10. Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng ?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

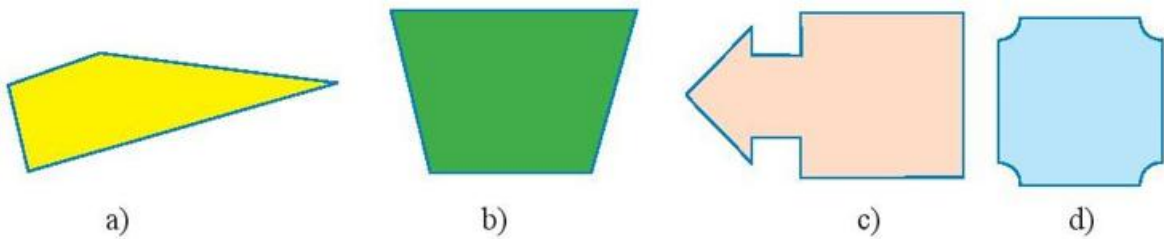
A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 11. Cho các hình sau, có bao nhiêu hình có trục đối xứng



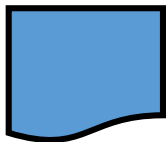
A. 1

B. 4

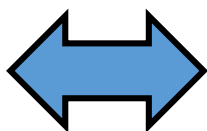
C. 2

D. 3

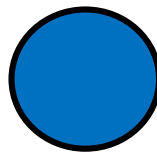
Câu 12. Trong các hình sau, hình nào không có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Phần 2. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

Trong câu 13 và câu 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Các khẳng định sau đây Đúng hay Sai về tâm đối xứng của các hình ?

A. Hình lục giác đều là hình có sáu tâm đối xứng.

B. Hình tròn có một tâm đối xứng là tâm của đường tròn.

C. Hình bình hành có tâm đối xứng là giao điểm của hai đường chéo.

D. Hình thang cân có tâm đối xứng.

Câu 14: Chị Mai mới đi làm và nhận được tháng lương đầu tiên là 12 triệu đồng, Chị dùng một nửa số tiền đó để chi tiêu thường xuyên trong tháng, $\frac{1}{5}$ số tiền để mua quà biếu bố mẹ, $\frac{1}{6}$ số tiền mua quà cho bản thân, số tiền còn lại chị gửi tiết kiệm.

A. Số tiền chị Mai chi tiêu thường xuyên trong tháng là 6 triệu đồng.

B. Số tiền chị Mai mua quà biếu bố mẹ là 2,1 triệu đồng.

C. Số tiền chị Mai mua quà cho bản thân là 2 triệu đồng.

D. Số tiền gửi tiết kiệm là 1,5 triệu đồng.

Phần 3. Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn (2,0 điểm)

Trong mỗi câu hỏi từ câu 15 đến câu 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Thực hiện phép tính $\left(\frac{-1}{2} + \frac{2}{5} - \frac{5}{2}\right) \cdot \left(\frac{-30}{78}\right)$ kết quả là?

A. $\frac{-13}{5}$

B. $\frac{13}{5}$

C. 1

D. -1

Câu 16. Thực hiện phép tính $\frac{1}{4} - \frac{2}{3} : \frac{5}{6} - \frac{11}{18} \cdot \frac{9}{22}$ kết quả là?

A. $\frac{4}{5}$

B. $\frac{-4}{5}$

C. $\frac{5}{9}$

D. $\frac{-5}{9}$

Câu 17. Tính $\frac{3}{2}$ của 100 bằng?

Câu 18. Tìm một số biết $\frac{7}{4}$ của nó bằng 49. Số đó là?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện các phép tính sau (Tính hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{9}{13} - \frac{13}{21} - \frac{-4}{13} + \frac{-29}{21}$

b) $\frac{25}{6} \cdot \left(\frac{-2}{13}\right) + \left(\frac{-5}{13}\right) \cdot \frac{25}{6} - \frac{6}{13} \cdot \frac{25}{6}$

Câu 2. (1,0 điểm). Trong hộp có một số bút xanh, một số bút vàng và một số bút đỏ. Lấy ngẫu nhiên 1 bút từ hộp, xem màu gì rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 60 lần ta được kết quả như sau:

Màu bút	Bút xanh	Bút vàng	Bút đỏ
Số lần	40	15	5

a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút màu đỏ

b) Em hãy dự đoán xem trong hộp loại bút nào ít nhất.

Câu 3. (1,0 điểm) Hà đọc được $\frac{1}{4}$ số trang. Ngày thứ hai, Hà đọc được $\frac{5}{9}$ số trang còn lại. Ngày thứ ba, Hà đọc 80 trang cuối cùng. Hỏi cuốn sách Hà đọc có bao nhiêu trang?

-----**HẾT**-----

Chúc các em ôn tập tốt!

